

Bản án số: 22/2025/HC-ST

Ngày 11 tháng 6 năm 2025

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành chính,
Hành vi trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Hảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Thành; Ông Ngô Văn Bê

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Đình Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Giáp Thị Thuỷ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 06 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 12/TLST-HC, ngày 24/01/2025 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2025/QĐXXST-HC, ngày 14/4/2025, Quyết định hoãn số 39/2025/QĐST-HC, ngày 12/5/2025, giữa:

*** Người khởi kiện:** Bà Thân Thị L, sinh năm 1959, địa chỉ: Tổ dân phố T, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L: Ông Giáp Tuấn T - Luật sư - Công ty L3.VN, địa chỉ: Số B, Đ, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, (có mặt).

*** Người bị kiện:**

1. Chủ tịch UBND thành phố B, tỉnh Bắc Giang: Ông Đặng Đình H, địa chỉ: Số A đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn T1 - Phó Chủ tịch UBND thành phố B. Theo quyết định uỷ quyền số 1141/QĐ-UBND ngày 19/02/2025 của Chủ tịch UBND thành phố B.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Thân Đức H1 - Phó trưởng phòng Nông nghiệp và Môi trường thành phố B, (vắng mặt).

2. Chủ tịch UBND phường T: Ông Trần Thế C, địa chỉ: phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thị K - Phó Chủ tịch UBND phường T, thành phố B. Theo văn bản uỷ quyền số 38/UBND-HC ngày 20/02/2025 của Chủ tịch UBND phường T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Người khởi kiện bà Thân Thị L trình bày:** Bố mẹ chồng bà là cụ Thân Văn T2 và cụ Nguyễn Thị C1 có một thửa đất tại thôn T, xã T, huyện Y (nay là Tổ dân phố T, phường T, thành phố B) đã sử dụng từ trước năm 1954 trước đây bố mẹ chồng bà sử dụng thửa đất này để canh tác. Bố mẹ chồng bà cũng tự phân chia tách thửa đất ra làm 02 phần, một phần thửa đất có diện tích 531,3m² để cho vợ chồng bà ở phía trước và một phần đất có diện tích là 176m² để ông Thân Văn S (em ruột chồng bà) ở phía sau và cũng bỏ một phần đất để làm lối đi chung cho 02 anh em xuống phía lòng ngòi.

Ngày 18/10/2000, được UBND huyện Y cấp GCNQSDĐ số S071956 mang tên "hộ ông Thân Văn T2", tại GCNQSDĐ số S071956 thể hiện rõ cạnh phía Tây Nam của thửa đất giáp đường giao thông là đường thông từ đường giao thông của thôn đến ngòi Âm. Ngày 13/5/2021, UBND huyện Y đã cấp đổi từ GCNQSDĐ cũ sang GCNQSDĐ mới số DB 39454 cho bà thì sơ đồ thửa đất trong GCNQSDĐ mới cũng thể hiện cạnh phía Tây Nam của thửa đất giáp đường giao thông. Tại tờ bản đồ địa chính xã T năm 2007, thể hiện rõ cạnh phía Tây Nam của thửa đất số 75 của gia đình tôi tiếp giáp đường giao thông, con đường này đã hình thành từ lâu, các hộ gia đình xung quanh trong đó có gia đình bà sử dụng đường đi này để đi xuống làm ruộng tại khu ngòi Âm.

Thửa đất của ông Thân Văn S khoảng năm 2015-2016 ông S chuyển nhượng thửa đất này cho ông T3 Văn Công. Sau đó ông C2 đã tự xây tường và xây dựng công sắt chặn cổng đi vào đất gia đình bà được xây dựng cùng nhà ở từ năm 1978 và ngõ đi xuống Ngòi khiến cho gia đình bà và các hộ gia đình cùng sử dụng ngõ đi không có đường đi xuống ngòi để sản xuất các thửa đất phía giáp ngòi nữa.

Bà đã làm đơn tố cáo ông Thân Văn C2 lấn chiếm đường giao thông gửi UBND xã T (nay là phường T). Nhưng UBND xã T (nay là phường T) không giải quyết đơn tố cáo của bà cùng các hộ dân. Ngày 20/10/2023, Chủ tịch UBND xã T (nay là phường T) ra Quyết định số 161/QĐ-UBND giải quyết đơn khiếu nại của bà là không đúng. Không đồng ý với Quyết định số 161/QĐ-UBND ngày 08/11/2023, bà làm đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND huyện Y (nay là thành phố B) nhưng không được thụ lý giải quyết.

Ngày 15/12/2023, UBND xã T (nay là phường T) ban hành tiếp Công văn số 321/UBND-ĐĐ về việc kiểm tra, xác minh đơn của bà Thân Thị L1 và một số công dân xã T

Ngày 18/01/2024, bà làm đơn khiếu nại hành vi hành chính của Chủ tịch UBND xã T (nay là phường T) và Công văn số 321/UBND-ĐĐ ngày 15/12/2023.

Tại Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 26/03/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T (nay là phường T) về việc giải quyết khiếu nại của bà Thân Thị L thường trú tại thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (lần đầu). Không đồng ý với giải quyết khiếu nại trên bà làm đơn khiếu nại lên Chủ tịch UBND huyện Y (nay là thành phố B). Ngày 26/12/2024 bà nhận được Quyết định số 9498/QĐ-UBND đề ngày 11/9/2024 của Chủ tịch UBND huyện Y (nay là thành phố B), về việc giải quyết khiếu nại của bà Thân Thị L, thường trú tại thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (lần 2).

Nay bà khởi kiện đề nghị Tòa án:

- Tuyên hủy Quyết định số 161/QĐ-UBND ngày 20/10/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T (nay là phường T) về việc giải quyết khiếu nại của bà Thân Thị L thường trú tại thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (lần đầu).

- Tuyên hủy Công văn số 321/UBND-ĐĐ ngày 15/12/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T (nay là phường T) về việc kiểm tra, xác minh đơn của bà Thân Thị L và một số công dân xã

- Tuyên hủy Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 26/3/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T (nay là phường T) về việc giải quyết khiếu nại của bà Thân Thị L thường trú tại thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (lần đầu).

- Tuyên hủy Quyết định số 9498/QĐ-UBND ngày 11/ 9/ 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y (nay là thành phố B) về việc giải quyết khiếu nại của bà Thân Thị L, thường trú tại thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (lần 2).

Tại phiên toà bà L trình bày: Sau khi người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà sao chụp hồ sơ thì bà biết được Chủ tịch UBND phường T đã có quyết định thu hồi đối với quyết định giải quyết khiếu nại số 161 ngày 20/10/2013, tại phiên toà hôm nay bà rút đối với yêu cầu trên. Còn bà giữ nguyên các yêu cầu còn lại.

*** Người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố B do ông Nguyễn Văn T1 - Phó Chủ tịch UBND thành phố B là người đại diện theo uỷ quyền trình bày:** Chủ tịch UBND thành phố không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện, đề nghị Tòa Hành chính - Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giữ nguyên nội dung Quyết định số 9498/QĐ-UBND ngày 11/9/2024 của Chủ tịch UBND huyện Y (nay là

thành phố Bắc Giang) về giải quyết khiếu nại của bà Thân Thị L, thường trú tại thôn T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (lần 2), cụ thể:

- Bà Thân Thị L khiếu nại Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 26/3/2024 của Chủ tịch UBND xã T về việc giải quyết khiếu nại của bà Thân Thị L thường trú tại thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (lần đầu) là khiếu nại sai.

- Bà Thân Thị L đề nghị xem xét giải quyết phần diện tích thuộc tờ bản đồ số 64, nằm giữa các thửa đất số 75, 92 và 445, có diện tích 22,0 m² chiều rộng bình quân 2,2 m, chiều sâu 10 m (tính từ cột điện giáp công nhà ông Thân Văn T4 đến giáp thửa đất số 445, quy chủ ông Thân Văn S) là lối đi chung của gia đình bà L và các hộ dân xóm T, thôn T là không có cơ sở để giải quyết.

*** Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T do Nguyễn Thị K- Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:** Qua xem xét, xác minh và các hồ sơ tài liệu có liên quan, Chủ tịch UBND phường T có quan điểm đòi với yêu cầu của người khởi kiện như sau:

- Về thời điểm sử dụng đất của hộ ông Thân Văn T2 (hiện nay là bà Thân Thị L và hộ ông Thân Văn S sử dụng): Khoảng năm 1981- 1982 về trước là đất nông nghiệp canh tác (bãi mạ), đến khoảng năm 1981-1982 gia đình ông Thân Văn T2 (bố chồng bà Thân Thị L và là bố đẻ ông Thân Văn S) được Hợp tác xã T5 chia đất để sinh sống, khi bắt đầu đến sinh sống thì thửa đất của gia đình ông T2 có các cạnh giáp ranh cụ thể như sau: Một cạnh (phía Đông Bắc) giáp ranh với đất của ông S1 và ông D. Một cạnh (phía Tây Nam) giáp ranh với đất ông Thân Văn T4 và đường đi. Một cạnh (phía T) tiếp giáp với bờ ngòi. Một cạnh (phía Nam) tiếp giáp với đất của mẹ ông Thân Văn L2 (hiện nay đất này 1 phần đã chuyển nhượng cho hộ bà Thân Thị L và một phần đang do gia đình ông Thân Văn L2 sử dụng).

+ Từ sau khi gia đình ông T2 đến ở vị trí bà Thân Thị L cho rằng là lối đi chung được gia đình ông T2 sử dụng để xây dựng công trình phục vụ đời sống (01 gian nhà và trồng cây lâu năm). Còn ngõ đi chung của xóm là đường cụt, từ đường chính đi vào đến công ông Thân Văn T2, Thân Văn T4, không thông xuống ngòi.

+ Khoảng năm 1987, khi vợ chồng ông Thân Văn S ra ở riêng gia đình ông T2 đã phá 01 gian nhà và phần vườn để làm lối đi xuống đất của hộ ông Thân Văn S, khoảng năm 1992 sau khi ông Thân Văn S chuyển ra ngoài mặt đường thì vị trí này được gia đình ông Thân Văn H2 (vợ là Thân Thị L) xây dựng 01 dãy công trình phụ để chăn nuôi, sau đó khi công trình phụ này xuống cấp ông T2 (đã chết năm 2004) đã yêu cầu gia đình bà L chuyển công trình phụ sang phía đối diện (giáp đất gia đình ông Thân Văn S1) để trả lại lối đi xuống thửa đất ông Thân Văn S được bố mẹ chia.

+ Các giai đoạn thôn, xóm lát gạch xóm chỉ lát đến phần giáp chân cây cột điện (chỉ xây dựng phần liên quan đến ngõ, xóm chung), còn phần khác là đất riêng do các hộ gia đình tự quản lý.

- Theo bản đồ địa chính chính quy xã T đo đạc năm 2007, phần diện tích 22,0 m² mà bà Thân Thị L đang đề nghị giải quyết thuộc tờ bản đồ số 64, nằm giữa các thửa đất số 75, 92 và 445, có chiều rộng bình quân 2,2 m chiều sâu 10 m (tính từ cột điện giáp công nhà ông Thân Văn T4 đến giúp thửa đất số 445, quy chủ ông Thân Văn S) được thể hiện là đất giao thông.

- Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các giấy tờ khác do công dân cung cấp, cho thấy: Giaays chứng nhận đã cấp năm 2000 cho hộ ông Thân Văn T2 (bố chồng bà Thân Thị L), trú tại xóm C, thôn T, xã T, huyện Y có tứ cạnh tiếp giáp được thể hiện tại đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất (dùng cho việc tự kê khai đất ở tại đô thị và đất ở tại nông thôn của hộ gia đình, cá nhân ở những nơi chưa có bản đồ địa chính) như sau: Phía Đông có chiều dài 13,7m, giáp đất ông Thân Văn L2. Phía Tây có chiều dài 15m, giáp Ao. Phía Nam có chiều dài 35,1m giáp đất ông Thân Văn T4, Đ. Phía Bắc gồm 03 đoạn dài 17,2m - 1,0m - 17,3m giáp đất ông D. Đơn được đại diện Ban Q (ông Nguyễn Duy Đ1) xác nhận ngày 08/7/2000, Chủ tịch UBND xã T xác nhận đủ điều kiện cấp GCN QSDĐ ngày 20/9/2000, diện tích 497 m²

Chủ tịch UBND , phường T, thành phố không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện, đề nghị Tòa Hành chính - Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giữ nguyên nội dung của các văn bản: Công văn số 321/UBND-ĐĐ ngày 15/12/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T (nay là phường T); Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 26/3/2024 của Chủ tịch UBND xã T về việc giải quyết khiếu nại của bà Thân Thị L thường trú tại thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (lần đầu); Quyết định số 9498/QĐ-UBND ngày 11/9/2024 của Chủ tịch UBND huyện Y (nay là thành phố Bắc Giang) về giải quyết khiếu nại của bà Thân Thị L, thường trú tại thôn T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (lần 2)

** Tại phiên tòa, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L trình bày:*
Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu của bà L về tuyên hủy Quyết định số 161/QĐ-UBND ngày 20/10/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T (nay là phường T) về việc giải quyết khiếu nại của bà Thân Thị L thường trú tại thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (lần đầu) và chấp nhận các yêu cầu còn lại của bà L.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến:*

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng

hành chính, việc chấp hành pháp luật của người khởi kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện, người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện tuân thủ theo đúng các quy định của Luật tổ tụng hành chính.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, điều 143, 144, khoản 2 Điều 165, khoản 1 điều 191, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 205, Điều 206 và khoản 1 Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính. Điều 204, 205 Luật đất đai năm 2013. Luật khiếu nại năm 2011. Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thân Thị L :

+ Hủy Công văn số 321/UBND-ĐĐ ngày 15/12/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T (nay là phường T) về việc kiểm tra, xác minh đơn của bà Thân Thị L và một số công dân xã

+ Hủy Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 26/3/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T (nay là phường T) về việc giải quyết khiếu nại của bà Thân Thị L thường trú tại thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (lần đầu).

+ Hủy Quyết định số 9498/QĐ-UBND ngày 11/9/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y (nay là thành phố B) về việc giải quyết khiếu nại của bà Thân Thị L, thường trú tại thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (lần 2).

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà L về việc hủy Quyết định số 161/QĐ-UBND ngày 20/10/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T (nay là phường T) về việc giải quyết khiếu nại của bà Thân Thị L thường trú tại thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (lần đầu)

3. Án phí hành chính sơ thẩm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang và Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà L khởi kiện quyết định hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang và Chủ tịch UBND phường T . Đây là các quyết định hành chính trong hoạt động quản lý nhà nước về đất đai quy định tại khoản 16 Điều 20 Luật đất đai năm 2024. Tòa án nhân dân tỉnh

Bắc Giang giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 30 và khoản 4 Điều 32 Luật tổ tụng hành chính.

[2]. Về thời hiệu khởi kiện vụ án: Ngày 26/3/2024 Chủ tịch UBND xã T (nay là phường T), thành phố B, tỉnh Bắc Giang ban hành quyết định số 32/QĐ-UBND, về việc giải quyết khiếu nại của bà Thân Thị L, thường trú tại thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (lần đầu). Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, bà L tiếp tục khiếu nại tới UBND huyện Y (nay là thành phố B), ngày 11/9/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y (nay là thành phố B) ban hành Quyết định số 9498/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Thân Thị L, thường trú tại thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (lần hai). Không đồng ý với quyết định khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y (nay là thành phố B), ngày 07/01/2025, bà L khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, việc khởi kiện của bà L trong thời hiệu khởi kiện, phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

[3]. Về sự vắng mặt của một số người tham gia tố tụng: Người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 158 Luật tổ tụng hành chính.

[4]. Về việc xác định người tham gia tố tụng trong vụ án thì thấy: Theo đơn khởi kiện bà L có khởi kiện đối với UBND xã T (nay là phường T) liên quan đến Công văn số 321/UBND-ĐĐ ngày 15/12/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T (nay là phường T), về việc kiểm tra, xác minh đơn của bà Thân Thị L và một số công dân xã T. Hội đồng xét xử nhận thấy Công văn trên là do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T (nay là phường T) ký, không phải là thay mặt UBND ký, do vậy Hội đồng xét xử xác định người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T (nay là phường T) không phải là Ủy ban nhân dân xã T (nay là phường T) là phù hợp với quy định tại khoản 9 Điều 3 Luật tổ tụng hành chính.

[5]. Xét tính hợp pháp của Quyết định hành chính 32/QĐ-UBND ngày 26/3/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T (nay là phường T) về việc giải quyết khiếu nại của bà Thân Thị L thường trú tại thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (lần đầu).

[5.1]. Về thẩm quyền và trình tự thủ tục ban hành: Chủ tịch UBND xã T (nay là phường T) ban hành Quyết định trên là đúng thẩm quyền phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật khiếu nại năm 2011. Về trình tự, thủ tục không phù hợp với quy định tại Điều 30 Luật khiếu nại năm 2011.

[5.2]. Về nội dung: Ngày 29/5/2023, bà L cùng một số hộ dân có đơn tố cáo ông Thân Văn C2 có hành vi chiếm ngõ đi chung. Ngày 27/6/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T ban hành thông báo về việc không thụ lý giải quyết tố cáo

và cho rằng không đủ điều kiện để thụ lý tố cáo theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 29 Luật tố cáo năm 2018, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T ban hành Thông báo trên là không đúng. Ngày 15/12/2023, Chủ tịch UBND phường T tiếp tục ban hành Văn bản số 321/UBND-ĐĐ ngày 15/12/2023 của Ủy ban nhân dân xã T (nay là phường T), về việc kiểm tra, xác minh đơn của bà Thân Thị L và một số công dân xã T là trái với quy định tại Điều 26 Luật tố cáo năm 2018.

Bà L khiếu nại về hành vi hành chính của Chủ tịch UBND xã T (nay là phường T) và nội dung công văn số 321/UBND-ĐĐ ngày 15/12/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 166, 170 Luật đất đai năm 2013. Như vậy, Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 26/3/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (lần đầu) không đảm bảo về trình tự, thủ tục, về nội dung không phù hợp với quy định tại Điều 31 Luật khiếu nại năm 2011.

[6]. Xét tính hợp pháp của Quyết định hành chính số 9498/QĐ-UBND ngày 11/09/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y (nay là thành phố B) về việc giải quyết khiếu nại của bà Thân Thị L, thường trú tại thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (lần hai), thì thấy: Như đã phân tích ở mục [4.2]. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang ban hành Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 26/3/2024 là không đúng về trình tự, thủ tục, nội dung, do vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y (nay là thành phố B) ban hành Quyết định hành chính số 9498/QĐ-UBND, về việc giải quyết khiếu nại của bà Thân Thị L, thường trú tại thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (lần hai) là không phù hợp với quy định tại Điều 40 Luật khiếu nại năm 2011

[7]. Xét tính hợp pháp của quyết định hành chính là Công văn số 321/UBND-ĐĐ ngày 15/12/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T (nay là phường T), về việc kiểm tra, xác minh đơn của bà Thân Thị L và một số công dân xã T thì thấy: Công văn trên giải quyết từ việc bà L cùng một số hộ dân có đơn tố cáo đối với ông Thân Văn C2 về việc lấn chiếm đất đai. Ủy ban nhân dân phường T đã ban hành thông báo không thụ lý tố cáo. Bà L cùng một số hộ dân không có đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất, nhưng Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T lại ban hành Công văn trên. Nội dung công văn trên kết luận: “Đối với nội dung: Tố cáo ông Thân Văn C2, trú thôn Q, xã T tự ý chiếm trái phép đường ngõ chung của các hộ dân thuộc ngõ xóm T, thôn T, xã T và tự ý xây tường lên ngõ và lấp cống bít ngõ để chiếm dụng làm công riêng là không đúng. UBND xã T đã ban hành Thông báo số 87/TB-UBND ngày 27/6/2023 về việc không thụ lý tố cáo theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 29 Luật Tố cáo năm 2018.

Vị trí công dân cho rằng là ngõ đi chung, theo bản đồ địa chính chính quy xã T đo vẽ năm 2007 là đường giao thông có nguồn gốc là lối đi vào thửa đất số 445,

tờ bản đồ địa chính số 64, quy chủ Thân Văn S. Vì vậy việc bà Thân Thị L phản ánh là đường ngõ chung của các hộ dân thuộc xóm T, thôn T là không có cơ sở để xem, xét giải quyết.”, là không đúng với quy định tại Điều 203, 205 Luật đất đai năm 2013. Nội dung kết luận của văn bản trên ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của bà L, do vậy bà L yêu cầu huỷ văn bản trên là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính

[8]. Đối với yêu cầu tuyên hủy Quyết định số 161/QĐ-UBND ngày 20/10/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T (nay là phường T) về việc giải quyết khiếu nại của bà Thân Thị L thường trú tại thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (lần đầu), thì thấy: Ngày 28/12/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T (nay là phường T) đã ban hành Quyết định 198/QĐ-UBND, về việc thu hồi, huỷ bỏ Quyết định số 161/QĐ-UBND ngày 20/10/2023 của Chủ tịch UBND phường T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Tại phiên toà bà L rút yêu cầu này, do vậy, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu là phù hợp với quy định tại các Điều 143, 165, 173 Luật tổ tụng hành chính. Đồng thời Hội đồng xét xử đánh giá quyết định số 161/QĐ và số 198/QĐ trên là các quyết định hành chính có liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính và xác định việc ban hành Quyết định 198/QĐ thu hồi huỷ bỏ quyết định 161/QĐ của Chủ tịch UBND phường T là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[9]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đối với các yêu cầu khởi kiện của bà L là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính.

[10]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Bắc Giang là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11]. Về án phí hành chính sơ thẩm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T và Ủy ban nhân dân thành phố B phải chịu án phí Hành chính sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 143, 144, khoản 2 Điều 165, Điều 191, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 205, Điều 206 và khoản 1 Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính. Điều 204, 205 Luật đất đai năm 2013. Các Điều 18, 21, 29, 30, 31, 36, 37, 38, 39, 40 của Luật khiếu nại năm 2011. Các Điều 26 Luật tố cáo năm 2018. Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà L về việc huỷ Quyết định số 161/QĐ-UBND ngày 20/10/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T (nay là phường T) về việc giải quyết khiếu nại của bà Thân Thị L thường trú tại thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (lần đầu)

2. Chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của bà Thân Thị L như sau:

+ Hủy Công văn số 321/UBND-ĐĐ ngày 15/12/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T (nay là phường T) về việc kiểm tra, xác minh đơn của bà Thân Thị L và một số công dân xã T

+ Hủy Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 26/3/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T (nay là phường T) về việc giải quyết khiếu nại của bà Thân Thị L thường trú tại thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (lần đầu).

+ Hủy Quyết định số 9498/QĐ-UBND ngày 11/ 9/ 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y (nay là thành phố B) về việc giải quyết khiếu nại của bà Thân Thị L, thường trú tại thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (lần 2).

3. Án phí hành chính sơ thẩm:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện KSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS và VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thanh Hảo